

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điểm chuẩn trúng tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông công lập
năm học 2026 - 2027**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Quyết định số 2939/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông (THPT);

Căn cứ Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh các lớp đầu cấp trung học cơ sở, THPT năm học 2026 - 2027 trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 3630/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập năm học 2026 - 2027 trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng tuyển sinh THPT năm học 2026 - 2027 ngày 21 tháng 7 năm 2026;

Căn cứ kết quả điểm thi của Hội đồng chấm thi tuyển sinh THPT năm học 2026 - 2027;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục trung học và giáo dục nghề nghiệp và Trưởng phòng Quản lý chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điểm chuẩn trúng tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông công lập năm học 2026 - 2027 theo Bảng điểm chuẩn đính kèm.

Điều 2. Căn cứ vào điểm chuẩn trúng tuyển vào lớp 10, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh các trường trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên, trường phổ thông dân tộc nội trú tổ chức xét tuyển học sinh trúng tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông công lập năm học 2026 - 2027 của đơn vị theo chỉ tiêu được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các tổ chức hành chính thuộc Sở, Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLCL.



Q. GIÁM ĐỐC

Trần Thị Huyền

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỂM CHUẨN TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP THPT CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026 - 2027
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày / /2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên đơn vị	Tổng chỉ tiêu tuyển sinh được duyệt	Nguyên vọng 1			Nguyên vọng 2		Chỉ tiêu Nguyên vọng 3	Ghi chú
			Môn chuyên	Số lượng tuyển sinh	Điểm chuẩn	Số lượng tuyển sinh	Điểm chuẩn		
1	Trường THPT chuyên Lý Tự Trọng	35	Tiếng Trung	15	21,30				
		35	Tiếng Pháp	26	28,86				
		35	Vật lí	35	35,15				
		35	Hóa học	35	39,10				
		35	Sinh học	35	39,80				
		35	Tin học	35	36,15				
		35	Ngữ văn	35	38,70				
		35	Lịch sử	35	29,75				
		35	Địa lí	35	24,85				
		70	Toán	70	41,20				
		70	Tiếng Anh	70	37,10				
2	Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	17	Địa lí	9	22,65				
		18	Lịch sử	17	24,70				
		35	Tin học	25	28,95				
		35	Vật lí	29	24,95				
		35	Sinh học	35	31,26				
		35	Hóa học	35	34,85				
		35	Ngữ văn	35	35,15				
		70	Tiếng Anh	58	28,60				
		70	Toán	70	33,70				
3	Trường THPT chuyên Vĩ Thanh	35	Tin học	4	33,65				
		35	Lịch sử	20	23,80				
		35	Hóa học	21	26,30				
		35	Tiếng Anh	30	28,35				
		35	Toán	35	32,35				
		35	Vật lí	35	25,95				
		35	Sinh học	35	27,80				
		35	Ngữ văn	35	32,35				
		35	Địa lí	35	23,70				

STT	Tên đơn vị	Tổng chỉ tiêu tuyển sinh được duyệt	Nguyên vọng 1			Nguyên vọng 2		Chỉ tiêu Nguyên vọng 3	Ghi chú
			Môn chuyên	Số lượng tuyển sinh	Điểm chuẩn	Số lượng tuyển sinh	Điểm chuẩn		
4	Trường PTDTNT THCS và THPT Cần Thơ	105				32	10,15	73	
5	Trường PTDTNT THCS và THPT Thạnh Phú	70				70	13,90		
6	Trường PTDTNT THCS và THPT Vĩnh Châu	70				70	16,05		
7	Trường PTDTNT THPT Hậu Giang	105				50	6,80	55	
8	Trường PTDTNT THPT Huỳnh Cương	210				210	17,00		
9	Trường THCS và THPT An Lạc Thôn	349				349	8,80		
10	Trường THCS và THPT An Thạnh 3	230				222	6,25	8	
11	Trường THCS và THPT Khánh Hoà	270				270	9,90		
12	Trường THCS và THPT Mỹ Hương	180				166	5,95	14	
13	Trường THCS và THPT Phan Văn Hùng	310				301	5,90	9	
14	Trường THCS và THPT Tân Lộc	280				280	9,60		
15	Trường THCS và THPT Tân Thạnh	360				309	4,40	51	
16	Trường THCS và THPT Thới Thuận	225				225	10,50		
17	Trường THCS và THPT Trần Đề	270				270	10,65		
18	Trường THCS và THPT Trường Xuân	225				214	5,55	11	
19	Trường THPT An Khánh	520				423	16,05	97	
20	Trường THPT Bình Thủy	675				675	14,70		
21	Trường THPT Bùi Hữu Nghĩa	28				28	9,50		Tiếng Pháp
		560				560	20,35		
22	Trường THPT Châu Văn Liêm	24				24	15,48		Tiếng Pháp
		651				651	23,65		
23	Trường THPT Chiêm Thành Tấn	315				315	8,45		
24	Trường THPT Đoàn Văn Tổ	440				440	7,65		
25	Trường THPT Giai Xuân	405				327	8,50	78	
26	Trường THPT Hà Huy Giáp	520				502	12,00	18	
27	Trường THPT Hoàng Diệu	800				800	17,90		
28	Trường THPT Huỳnh Hữu Nghĩa	395				395	8,60		
29	Trường THPT Kế Sách	675				660	5,70	15	
30	Trường THPT Lê Quý Đôn	405				405	10,00		
31	Trường THPT Lịch Hội Thượng	405				405	10,15		
32	Trường THPT Long Mỹ	765				765	10,20		
33	Trường THPT Lương Tâm	270				270	11,15		
34	Trường THPT Lưu Hữu Phước	495				495	16,95		
35	Trường THPT Mai Thanh Thế	540				540	9,15		

STT	Tên đơn vị	Tổng chỉ tiêu tuyển sinh được duyệt	Nguyên vọng 1			Nguyên vọng 2		Chỉ tiêu Nguyên vọng 3	Ghi chú
			Môn chuyên	Số lượng tuyển sinh	Điểm chuẩn	Số lượng tuyển sinh	Điểm chuẩn		
36	Trường THPT Mỹ Xuyên	540				540	9,20		
37	Trường THPT Ngã Sáu	360				360	11,55		
38	Trường THPT Nguyễn Khuyến	540				540	11,45		
39	Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	420				420	15,10		
40	Trường THPT Nguyễn Việt Hồng	16				16	16,15		Tiếng Pháp
		484				451	21,00	33	
41	Trường THPT Ô Môn	495				450	11,85	45	
42	Trường THPT Phan Ngọc Hiền	26				26	11,30		Tiếng Pháp
		454				454	17,90		
43	Trường THPT Phan Văn Trị	630				630	13,75		
44	Trường THPT Phú Tâm	360				325	8,15	35	
45	Trường THPT Sóc Trăng	600				600	8,40		
46	Trường THPT Tân Phú	270				270	8,45		
47	Trường THPT Tây Đô	270				270	8,65		
48	Trường THPT Thiệu Văn Chỏi	490				490	5,40		
49	Trường THPT Thốt Nốt	630				630	14,35		
50	Trường THPT Thới Lai	675				675	13,10		
51	Trường THPT Thới Long	440				440	7,90		
52	Trường THPT Thuận Hưng	430				430	9,65		
53	Trường THPT Thực hành Sư phạm	246				246	24,00		
54	Trường THPT Trần Đại Nghĩa	540				483	13,20	57	
55	Trường THPT Trần Văn Bảy	630				630	8,70		
56	Trường THPT Trung An	504				504	11,90		
57	Trường THPT Văn Ngọc Chính	300				300	8,85		
58	Trường THPT Vị Thanh	495				495	12,70		
59	Trường THPT Vị Thủy	360				360	9,45		
	Trường THPT Vị Thủy (PH Vĩnh Thuận Tây)	90				90	8,95		
60	Trường THCS và THPT Cây Dương	270				270	35,00		
	Trường THCS và THPT Cây Dương (PH Tân Phước Hưng)	135				135	30,00		
61	Trường THCS và THPT Dương Kỳ Hiệp	180				180	30,00		
62	Trường THCS và THPT Hòa An	180				180	28,00		
63	Trường THCS và THPT Hưng Lợi	180				180	28,00		
64	Trường THCS và THPT Lai Hoà	330				330	28,00		
65	Trường THCS và THPT Lê Văn Tám	270				242	23,00	28	

STT	Tên đơn vị	Tổng chỉ tiêu tuyển sinh được duyệt	Nguyên vọng 1			Nguyên vọng 2		Chỉ tiêu Nguyên vọng 3	Ghi chú
			Môn chuyên	Số lượng tuyển sinh	Điểm chuẩn	Số lượng tuyển sinh	Điểm chuẩn		
66	Trường THCS và THPT Long Hưng	180				180	23,00		
67	Trường THCS và THPT Mỹ Thuận	210				192	26,00	18	
68	Trường THCS và THPT Thạnh Thắng	180				125	24,00	55	
69	Trường THCS và THPT Thới Thạnh	270				270	28,00		
70	Trường THCS và THPT Trần Ngọc Hoàng	270				245	25,00	25	
71	Trường THCS và THPT Vĩnh Tường	180				180	27,00		
72	Trường THPT An Ninh	315				286	30,00	29	
73	Trường THPT Cái Tắc	450				450	32,00		
74	Trường THPT Châu Thành A	405				405	34,00		
75	Trường THPT Đại Ngãi	450				450	25,00		
76	Trường THPT Hoà Tú	315				315	30,00		
77	Trường THPT Lê Hồng Phong	270				270	32,00		
78	Trường THPT Lương Định Của	315				315	29,00		
79	Trường THPT Lương Thế Vinh	336				336	32,00		
80	Trường THPT Ngã Năm	270				270	25,00		
81	Trường THPT Ngọc Tô	240				226	25,00	14	
82	Trường THPT Nguyễn Minh Quang	405				405	28,00		
83	Trường THPT Phú Hữu	315				315	28,00		
84	Trường THPT Tầm Vu	400				400	32,00		
85	Trường THPT Tân Long	270				270	32,00		
86	Trường THPT Thạnh An	450				450	27,00		
87	Trường THPT Thạnh Tân	290				290	28,00		
88	Trường THPT Thuận Hoà	480				480	29,00		
89	Trường THPT Trường Long Tây	180				180	31,00		
90	Trường THPT Vĩnh Hải	270				270	33,00		
91	Trường THPT Vĩnh Thạnh	450				450	30,00		
Tổng		34273		989		32385		768	